

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ – ST  
Ngày: 17 – 11 – 2021  
V/v: Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thuận

Bà Trần Thị Ái Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

**- Đại diện Viện kiểm sát thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 215/2021/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 01/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST – HNGĐ ngày 20/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Hồng N, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 3, xã T, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Công B, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 3, xã T, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của bà Ngô Thị Hồng N tại Tòa án:

Bà Ngô Thị Hồng N và ông Nguyễn Công B chung sống với nhau từ năm 1997. Ông, bà đăng đã ký kết hôn tại UBND xã T, huyện TT (nay là thị xã PM), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 12/4/1997.

Bà N cho rằng vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân năm 2019 đến nay. Nay bà N cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Công B.

Về con chung: Bà N xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 31/8/2005. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu H sống với bà N. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Công B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Công B để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B cố tình vắng mặt, không tới Tòa án làm việc. Theo xác nhận của Công an xã T, thị xã PM thì ông Nguyễn Công B có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại tổ 2, ấp 3, xã T, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông B nhưng ông B không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông B và được nuôi dưỡng con chung. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

*Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông B đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N được ly hôn với ông B; Về con chung: Giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông B không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: Bà N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ông Nguyễn Công B có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại tổ 2, ấp 3, xã T, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Ngô Thị Hồng N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Công B là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về việc giải quyết vụ án; Bị đơn ông Nguyễn Công B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:*

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà Ngô Thị Hồng N và ông Nguyễn Công B tự nguyện tiến tới hôn nhân, vợ chồng đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T, huyện TT (nay là thị xã PM), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 12/4/1997 UBND xã T, huyện TT (nay là thị xã PM), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà N cho rằng thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có lòng tin yêu, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông B nhưng ông B không đến Tòa án làm việc, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N được ly hôn với ông B.

*[3] Về con chung:* Bà N xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 31/8/2005. Theo nguyện vọng của cháu H và để đảm bảo cho con chung phát triển ổn định về thể chất cũng như tinh thần, cần chấp nhận yêu cầu của bà N, giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà N tự nguyện không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

*[4] Về tài sản chung và nợ chung:* Bà N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

*[5] Về án phí:* Bà N phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hồng N về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với ông Nguyễn Công B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Công B.

2. Về con chung: Bà Ngô Thị Hồng N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 31/8/2005 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Công

nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thị Hồng N không yêu cầu ông Nguyễn Công B cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Công B được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Ngô Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị Hồng N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006520 ngày 05/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhung**

